

BỘ XÂY DỰNG  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09 /DIC Corp –CBTT

Vũng Tàu, ngày 08 tháng 04 năm 2015

“V/v: Giải trình điều chỉnh số liệu theo  
BCTC kiểm toán năm 2014”.

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG (DIC CORP)

Mã chứng khoán : **DIG** (HoSE).

Trụ sở : 265 Lê Hồng Phong, P8, Tp.Vũng Tàu, tỉnh BR – Vũng Tàu.

Điện thoại : 0643.859248 Fax: 064.3560712.

Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

DIC Corp xin giải trình nguyên nhân chênh lệch số liệu tài chính trước và sau khi kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 như sau:

**1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ:**

– Điều chỉnh các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán:

*Đvt: đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
<b><u>TỔNG TÀI SẢN</u></b>	<b><u>270</u></b>	<b><u>4.762.068.564.322</u></b>	<b><u>4.759.448.469.517</u></b>	<b><u>(2.620.094.805)</u></b>
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	<b>1.329.397.190.906</b>	<b>1.326.777.096.101</b>	<b>(2.620.094.805)</b>
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1.294.603.513.771	1.291.983.418.966	(2.620.094.805)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(140.054.774.790)	(142.674.869.595)	(2.620.094.805)
<b><u>TỔNG NGUỒN VỐN</u></b>	<b><u>510</u></b>	<b><u>4.762.068.564.322</u></b>	<b><u>4.759.448.469.517</u></b>	<b><u>(2.620.094.805)</u></b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	<b>2.246.526.024.677</b>	<b>.245.949.603.819</b>	<b>(576.420.858)</b>
Nợ ngắn hạn	310	915.166.188.143	914.589.767.285	(576.420.858)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.759.159.260	4.182.738.402	(576.420.858)
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>2.515.542.539.645</b>	<b>2.513.498.865.698</b>	<b>(2.043.673.947)</b>
Vốn chủ sở hữu	410	2.515.542.539.645	2.513.498.865.698	(2.043.673.947)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	186.816.910.659	184.773.236.712	(2.043.673.947)

Tổng tài sản sau kiểm toán giảm 2.620.094.805 đồng do tăng trích lập dự phòng đầu tư tài chính sau khi các đơn vị thành viên có báo cáo tài chính được kiểm toán. Việc tăng trích lập dự phòng làm giảm khoản thuế TNDN phải nộp 576.420.858 đồng; giảm LN sau thuế chưa phân phối



BỘ XÂY DỰNG

**Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng**

265 Lê Hồng Phong, P. 8, Tp. Vũng Tàu Tel: 064 3 859 248 Fax: 064 3 560 712 Web: www.dic.vn

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC, KHÔI SẮC TƯƠNG LAI



2.043.673.947 đồng, dẫn đến giảm tổng nguồn vốn số tiền tương ứng là 2.620.094.805 đồng; đồng thời điều chỉnh lại các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

*Đvt: đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
Chi phí tài chính	22	(7.688.046.305)	(5.067.951.500)	2.620.094.805
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30	57.422.943.745	54.802.848.940	(2.620.094.805)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	58.358.520.934	55.738.426.129	(2.620.094.805)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	11.317.971.242	10.741.550.384	(576.420.858)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>70</b>	<b>47.040.549.692</b>	<b>44.996.875.745</b>	<b>(2.043.673.947)</b>

– Điều chỉnh các chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Việc điều chỉnh các chỉ tiêu chi tiết chủ yếu do kiểm toán phân loại lại dòng tiền phù hợp với tính chất thanh toán, không ảnh hưởng đến chỉ tiêu **tiền và tương đương tiền cuối kỳ** trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ.

## 2. Báo cáo tài chính hợp nhất:

– Điều chỉnh các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Xem các bảng chi tiết đính kèm.

– Điều chỉnh các chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Chỉ tiêu **tiền và tương đương tiền cuối kỳ** hợp nhất sau kiểm toán giảm 91.353 đồng do điều chỉnh theo kết quả kiểm toán của công ty con. Việc điều chỉnh các chỉ tiêu chi tiết chủ yếu do kiểm toán phân loại lại dòng tiền phù hợp với tính chất thanh toán.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

## NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.HĐQT (b/c)
- Tổng Giám đốc (b/c);
- BBT web [www.dic.vn](http://www.dic.vn);
- Lưu VP, TCKT.



*Nguyễn Quang Tín*



BỘ XÂY DỰNG

Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC, KHÔI SẮC TƯƠNG LAI

265 Lê Hồng Phong, P. 8, Tp. Vũng Tàu Tel: 064 3 859 248 Fax: 064 3 560 712 Web: [www.dic.vn](http://www.dic.vn)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG

GIẢI TRÌNH NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH CÁC CHỈ TIÊU  
TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đính kèm văn bản số 09 /DTC Corp –CBTT ngày 08/04/2015)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Số đơn vị	Số kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân
A	B	1	2	3=2-1	4
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>5.044.062.260.292</b>	<b>5.034.819.684.205</b>	<b>(9.242.576.087)</b>	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>3.568.417.150.615</b>	<b>3.560.284.176.205</b>	<b>(8.132.974.410)</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>473.092.718.261</b>	<b>473.092.626.908</b>	<b>(91.353)</b>	Điều chỉnh giảm theo kết quả kiểm toán của công ty con
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>934.738.698.336</b>	<b>927.947.034.006</b>	<b>(6.791.664.330)</b>	
1. Phải thu khách hàng	131	736.631.947.129	735.838.790.946	(793.156.183)	Trích lập dự phòng khi kiểm toán công ty con
2. Trả trước cho người bán	132	53.853.987.228	53.853.988.928	1.700	
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	149.696.447.059	144.494.149.482	(5.202.297.577)	Lợi trừ phải trả khác giữ công ty mẹ và công ty con
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(5.443.683.080)	(6.239.895.350)	(796.212.270)	Trích lập dự phòng khi kiểm toán công ty con
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>2.118.512.861.940</b>	<b>2.114.385.721.208</b>	<b>(4.127.140.732)</b>	
1. Hàng tồn kho	141	2.118.512.861.940	2.114.385.721.208	(4.127.140.732)	Điều chỉnh sau kiểm toán công ty con
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>42.072.872.078</b>	<b>44.858.794.083</b>	<b>2.785.922.005</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9.654.947.721	9.652.286.516	(2.661.205)	Điều chỉnh sau kiểm toán công ty con
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	110.616.970	2.902.214.068	2.791.597.098	Không khấu trừ vào thuế VAT phải nộp - Công ty con
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	26.655.274.689	26.652.260.801	(3.013.888)	Điều chỉnh sau kiểm toán công ty con
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>1.475.645.109.677</b>	<b>1.474.535.508.000</b>	<b>(1.109.601.677)</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>277.863.557.143</b>	<b>279.021.700.739</b>	<b>1.158.143.596</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	197.116.654.342	199.263.394.307	2.146.739.965	
- Nguyên giá	222	360.651.769.388	362.293.523.965	1.641.754.577	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(163.535.115.046)	(163.030.129.658)	504.985.388	"
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	71.272.743.234	70.284.146.865	(988.596.369)	"
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>1.129.172.986.241</b>	<b>1.129.998.726.276</b>	<b>825.740.035</b>	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	927.456.104.709	927.715.494.467	259.389.758	"
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(19.441.892.805)	(18.875.542.528)	566.350.277	"
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>68.608.566.293</b>	<b>65.515.080.985</b>	<b>(3.093.485.308)</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	38.416.828.476	37.371.817.994	(1.045.010.482)	"
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		29.269.878.865	27.221.404.039	(2.048.474.826)	"
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>510</b>	<b>5.044.062.260.292</b>	<b>5.034.819.684.205</b>	<b>(9.242.576.087)</b>	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>2.588.353.318.897</b>	<b>2.576.684.599.396</b>	<b>(11.668.719.501)</b>	
1. Nợ ngắn hạn	310	1.069.919.584.192	1.065.415.478.326	(4.504.105.866)	

TÀI SẢN	Mã số	Số đơn vị	Số kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân
A	B	1	2	3=2-1	4
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	307.174.184.472	306.318.701.472	(855.483.000)	Kiểm toán chuyển từ vay và nợ ngắn hạn sang dài hạn - Công ty con
2. Phải trả người bán	312	119.752.756.240	119.681.520.940	(71.235.300)	Điều chỉnh sau kiểm toán công ty con
3. Người mua trả tiền trước	313	230.345.961.515	229.870.900.473	(475.061.042)	"
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9.029.887.070	11.161.889.546	2.132.002.476	Không khấu trừ vào thuế VAT phải nộp - Công ty con
6. Chi phí phải trả	316	97.001.528.327	98.439.076.114	1.437.547.787	Điều chỉnh sau kiểm toán công ty con
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	289.707.260.824	283.035.384.037	(6.671.876.787)	Loại trừ phải trả khác giữ công ty mẹ và công ty con
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330	<b>1.518.433.734.705</b>	<b>1.511.269.121.070</b>	<b>(7.164.613.635)</b>	
1. Phải trả dài hạn khác	333	2.531.302.076	2.850.297.076	318.995.000	Kiểm toán chuyển từ vay và nợ ngắn hạn sang dài hạn - Công ty con
2. Vay và nợ dài hạn	334	1.176.285.594.043	1.177.285.594.043	1.000.000.000	"
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	328.221.065.471	319.737.456.836	(8.483.608.635)	Tăng thu nhập từ chênh lệch góp vốn bằng QSD đất J&D Đại An do hoãn lại thu nhập năm 2009
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400	<b>2.407.182.465.784</b>	<b>2.410.857.934.744</b>	<b>3.675.468.960</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	<b>2.407.182.465.784</b>	<b>2.410.857.934.744</b>	<b>3.675.468.960</b>	
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	79.120.512.487	79.120.228.177	(284.310)	Điều chỉnh sau kiểm toán công ty con
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	75.976.083.763	79.651.837.033	3.675.753.270	Điều chỉnh sau kiểm toán công ty con
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b>48.526.475.611</b>	<b>47.277.150.065</b>	<b>(1.249.325.546)</b>	

**GIẢI TRÌNH NGUYÊN NHÂN ĐIỀU CHỈNH CÁC CHỈ TIÊU  
TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2014**

(Đính kèm văn bản số 09 /DIC Corp -CBTT ngày 08/04/2015)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân
A	B	1	2	3=2-1	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	704.819.576.636	699.506.554.879	(5.313.021.757)	Loại trừ giao dịch với công ty liên kết
4. Giá vốn hàng bán	11	549.478.035.013	540.794.569.317	(8.683.465.696)	Loại trừ giao dịch với công ty liên kết
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	146.865.507.906	150.235.951.845	3.370.443.939	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24.915.056.104	19.674.658.951	(5.240.397.153)	Loại trừ cổ tức DIC Corp được nhận từ các công ty con, công ty liên kết
7. Chi phí tài chính	22	3.169.478.638	5.318.662.596	2.149.183.958	Điều chỉnh trích lập dự phòng theo kết quả kiểm toán công ty con
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	10.422.315.492	10.108.031.087	(314.284.405)	Điều chỉnh sau kiểm toán công ty con
8. Chi phí bán hàng	24	60.208.737.853	60.162.011.807	(46.726.046)	Điều chỉnh sau kiểm toán công ty con
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	52.730.153.932	53.354.310.755	624.156.823	Trích lập dự phòng phải thu các cty con
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	55.672.193.587	51.075.625.638	(4.596.567.949)	
11. Thu nhập khác	31	14.306.605.273	28.062.581.126	13.755.975.853	Tăng thu nhập từ chênh lệch góp vốn bằng QSD đất J&D Đại An do hoàn lại thu nhập năm 2009; điều chỉnh tăng thu nhập khác sau kiểm toán của Công ty con
12. Chi phí khác	32	8.559.243.875	10.169.158.464	1.609.914.589	Điều chỉnh sau kiểm toán công ty con
13. Lợi nhuận khác	40	5.747.361.398	17.893.422.662	12.146.061.264	
14. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50	(5.039.877.934)	(4.514.649.455)	525.228.479	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	56.379.677.051	64.454.398.845	8.074.721.794	Điều chỉnh chủ yếu do tăng thu nhập khác theo giải trình trên
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	13.839.356.785	13.233.052.369	-606.304.416	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		3.615.822.130	3.615.822.130	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70	42.540.320.266	47.605.524.346	5.065.204.080	
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71	2.296.010.024	3.685.460.834	1.389.450.810	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72	40.244.310.242	43.920.063.512	3.675.753.270	

